

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Số: 55/2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH, MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, BẢN, KHU PHỐ; QUY ĐỊNH MỨC KHOẢN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP XÃ VÀ KHOẢN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÔN, BẢN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 7911/TTr-UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 118/BC-HĐND ngày 03/12/2016 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết:

1. Quy định về số lượng, chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố.
2. Quy định mức khoản quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố.
3. Quy định mức khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và khoản kinh phí hoạt động ở thôn, bản, khu phố.

Điều 2. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

1. Số lượng:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: Bố trí không quá 14 người.
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: Bố trí không quá 12 người.
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: Bố trí không quá 11 người.

2. Chức danh:

- a) Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra hoặc Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra nếu Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra do cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm;
- b) Phụ trách công tác tuyên truyền của cấp ủy;
- c) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- d) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- đ) Phó trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy);
- e) Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
- g) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- h) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên;
- i) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;
- k) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp);
- m) Phụ trách một số công tác xã hội (dân số, gia đình và trẻ em, xóa đói, giảm nghèo...);
- n) Giao thông - thủy lợi, nông, lâm, ngư nghiệp (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp);
- o) Phụ trách công tác truyền thanh;
- p) Văn thư - lưu trữ;
- q) Văn phòng Đảng ủy;
- r) Nhân viên thú y xã, phường, thị trấn;
- s) Trưởng ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn);
- t) Phó ban bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn);
- u) Công an viên thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

Điều 3. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố:

- 1. Số lượng:
 - a) Thôn bản, khu phố loại I: Bố trí không quá 08 người.
 - b) Thôn bản, khu phố loại II: Bố trí không quá 07 người.
 - c) Thôn bản, khu phố loại III: Bố trí không quá 06 người.
- 2. Chức danh:
 - a) Bí thư chi bộ;
 - b) Trưởng thôn, bản, khu phố;
 - c) Trưởng ban công tác mặt trận tổ quốc;
 - d) Phó bí thư chi bộ;

- đ) Phó trưởng thôn, bản, khu phố;
- e) Công an viên;
- g) Thôn đội trưởng; bản đội trưởng; khu đội trưởng;
- h) Cộng tác viên hoạt động công tác xã hội (dân số, gia đình và trẻ em, xóa đói, giảm nghèo...);
- i) Nhân viên y tế thôn, bản;
- k) Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố;
- l) Tổ viên tổ bảo vệ dân phố;
- m) Đội trưởng đội dân phòng;
- o) Đội phó đội dân phòng.

Điều 4. Khoản quỹ phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

1. Thực hiện mức khoản quỹ phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, như sau:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 20,3 tháng lương cơ sở/tháng.
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 19,0 tháng lương cơ sở/tháng.
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 18,4 tháng lương cơ sở/tháng.

2. Mức khoản trên chưa bao gồm 14% kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Điều 5. Khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

Thực hiện khoản kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ở cấp xã.

Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ngoài lương, các khoản phụ cấp theo lương và định mức kinh phí hoạt động thường xuyên phân bổ theo định biên quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về “phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020”, được khoản kinh phí hoạt động, như sau:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 100 triệu đồng/xã/năm (Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 80 triệu đồng/phường, thị trấn/năm);
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 90 triệu đồng/xã/năm (Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 72 triệu đồng/phường, thị trấn/năm);
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 80 triệu đồng/xã/năm (Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, mức khoán 64 triệu đồng/phường, thị trấn/năm).

Điều 6. Khoản quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động đối với thôn, bản, khu phố:

1. Mức khoản quỹ phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế).

- a) Đối với thôn, bản, khu phố loại I: 6,8 mức lương cơ sở/tháng;

b) Đối với thôn, bản, khu phố loại II: 6,5 mức lương cơ sở/tháng;

c) Đối với thôn, bản, khu phố loại III: 6,1 mức lương cơ sở/tháng.

2. Khoản mức kinh phí hoạt động ở thôn, bản, khu phố (bao gồm: Hỗ trợ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; hỗ trợ hoạt động các nhà văn hóa thôn, bản, khu phố; chi mua báo và tài liệu tuyên truyền; kinh phí hoạt động của ban công tác mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở thôn, bản, khu phố...), cụ thể như sau:

a) Đối với thôn, bản, khu phố loại I: 35 triệu đồng/năm.

b) Đối với thôn, bản, khu phố loại II: 33 triệu đồng/năm.

c) Đối với thôn, bản, khu phố loại III: 31 triệu đồng/năm.

Điều 7. Chế độ bảo hiểm y tế:

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố mà chưa được hưởng bảo hiểm y tế ở các chính sách khác được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3 % mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 8. Điều khoản thi hành:

1. Các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 179/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII “V/v quy định số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ”.

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 16/2007/NQ-HĐND ngày 15/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI về việc quy định mức phụ cấp hàng tháng của lực lượng bảo vệ dân phố.

4. Bãi bỏ Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI về việc bố trí và quy định mức trợ cấp đối với cộng tác viên hoạt động công tác xã hội ở các thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

5. Bãi bỏ điểm 3, điểm 4 khoản 1 Điều 1 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI về việc quy định mức phụ cấp đối với lực lượng dân quân tự vệ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ biên phòng tăng cường tại các xã, phường biên giới, hải đảo; quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên thường trực tại trụ sở công an xã, công an viên thuộc các thôn, bản.

Điều 9. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành tiêu chí và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện phân loại cụ thể đối với các thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên và các yếu tố đặc thù của địa phương.

2. Đối với đơn vị hành chính cấp xã và thôn, bản, khu phố có tính chất đặc thù, giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, quyết định cụ thể sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án bố trí cụ thể số người, chức danh, quy định chế độ phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm hoạt động không chuyên trách ở từng xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, khu phố; xác định mức chi, nội dung chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

4. Trong quá trình thực hiện nghị quyết nếu có vấn đề phát sinh cần giải quyết kịp thời, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để tổ chức thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

5. Thường trực, các ban, các tổ và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 18/12/2016./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đọc